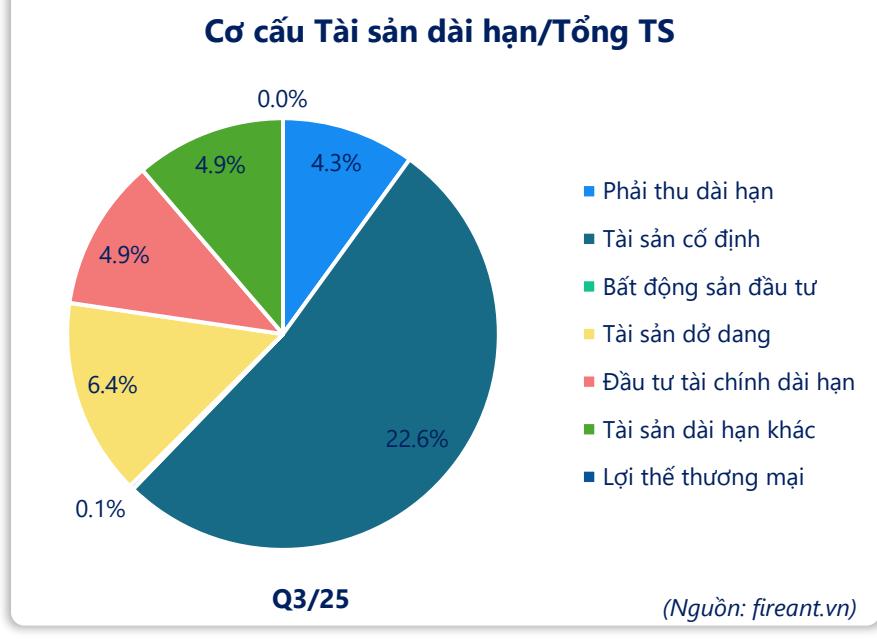
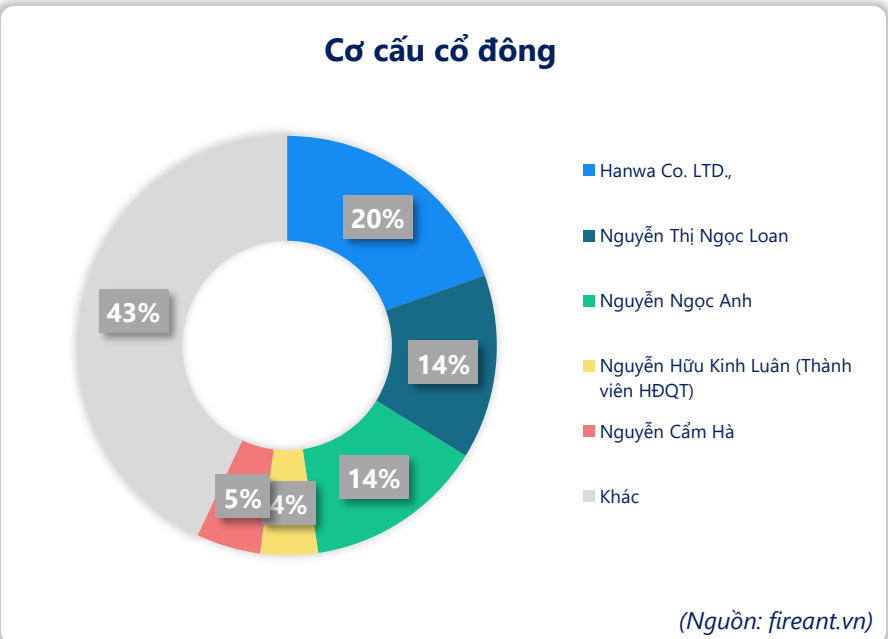
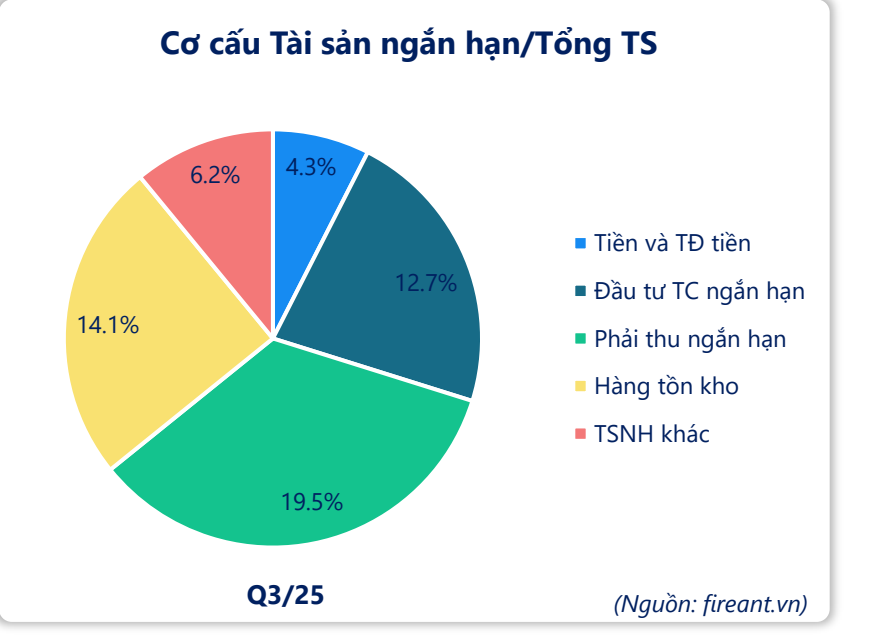
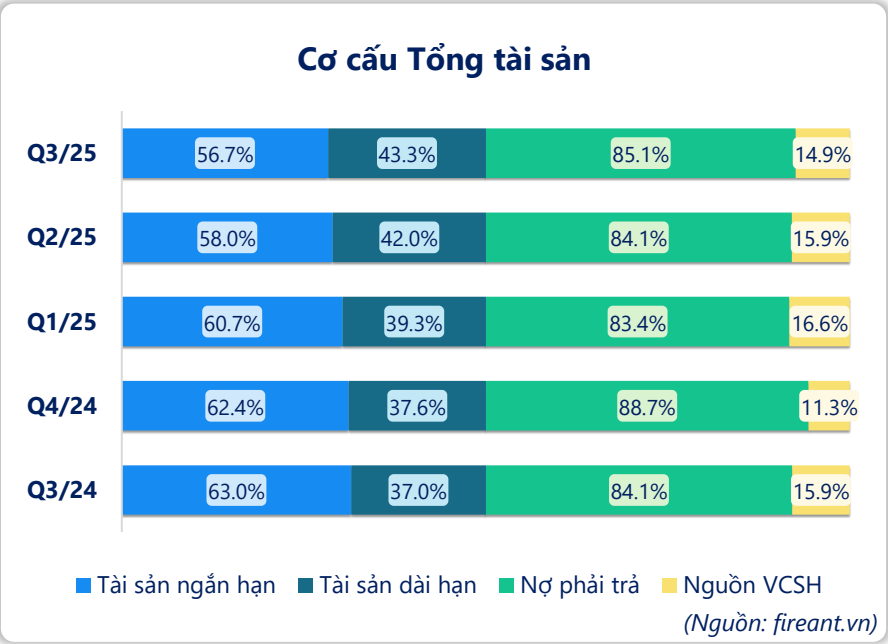
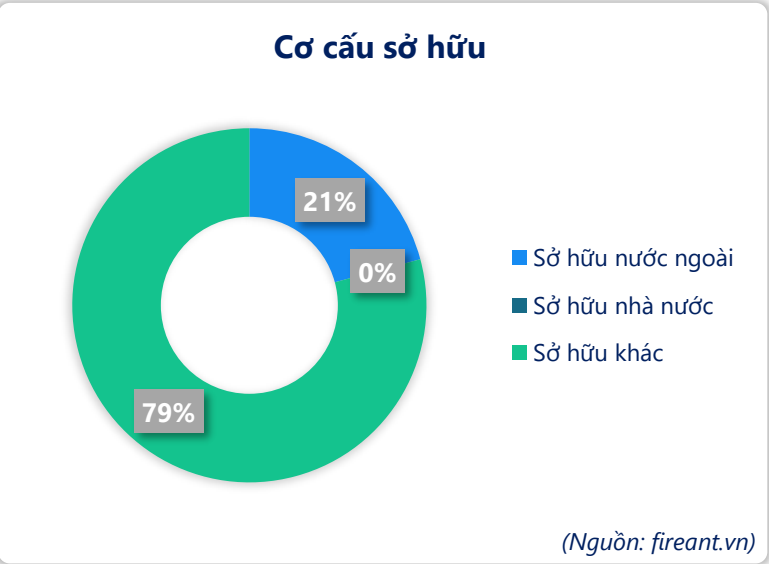
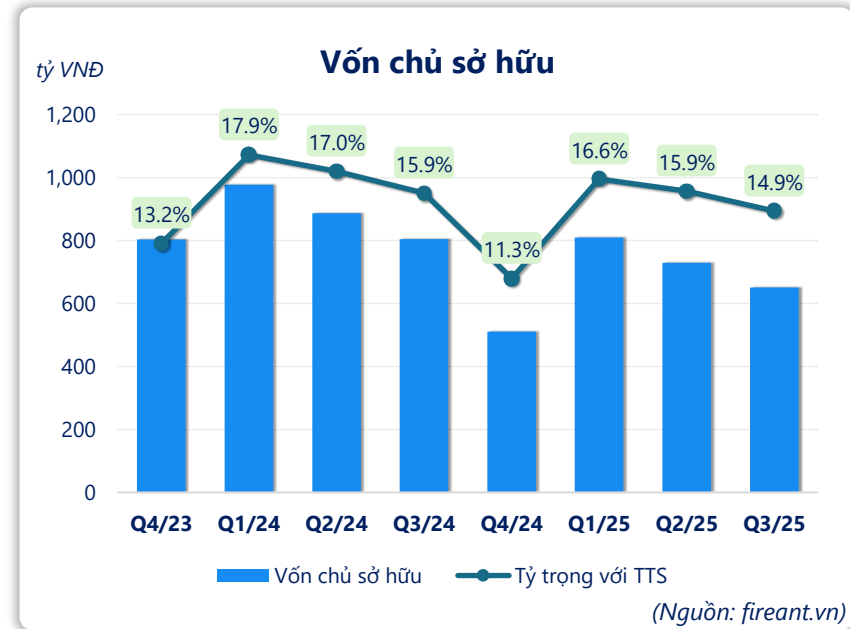
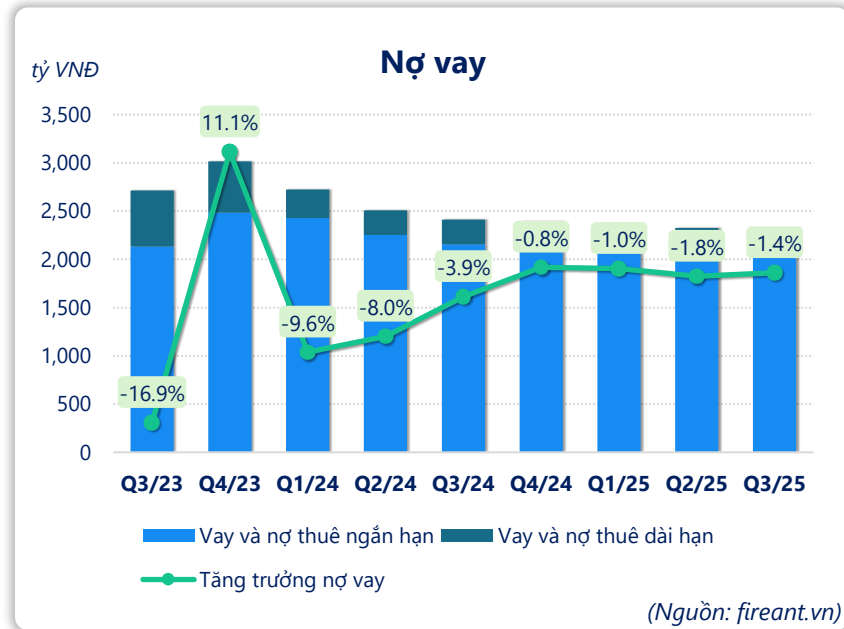
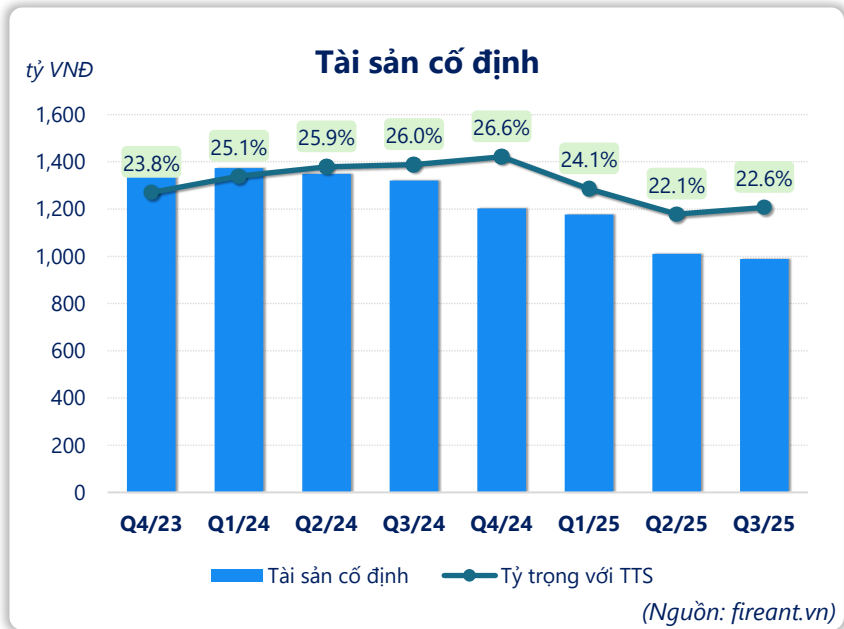
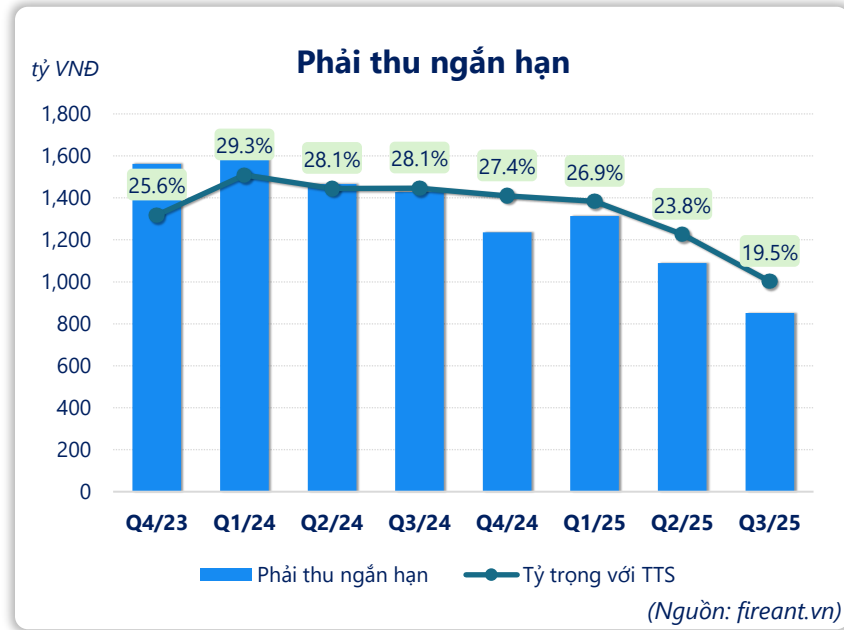
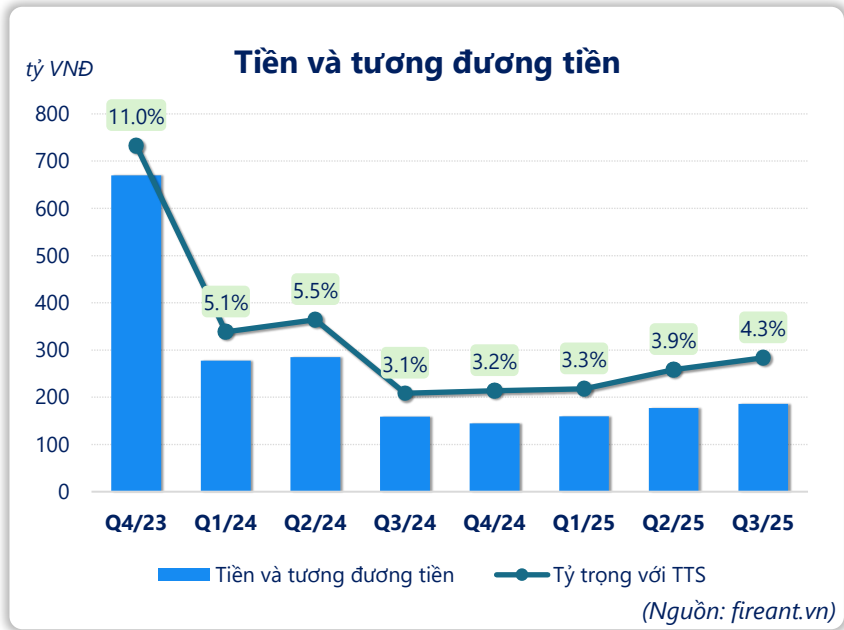
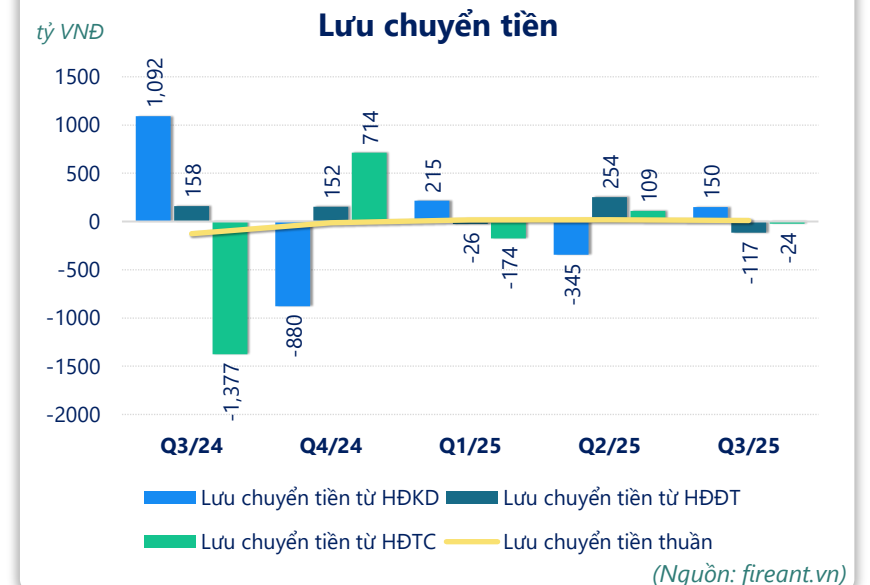
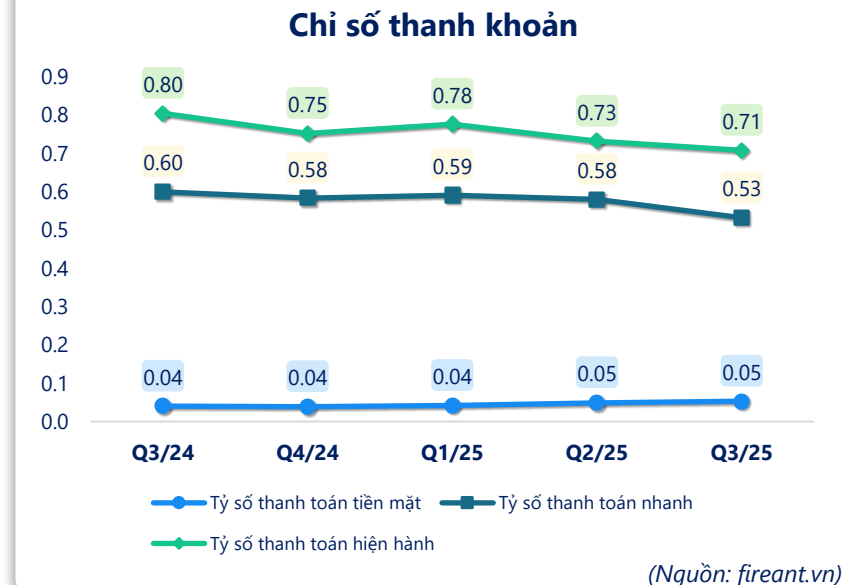
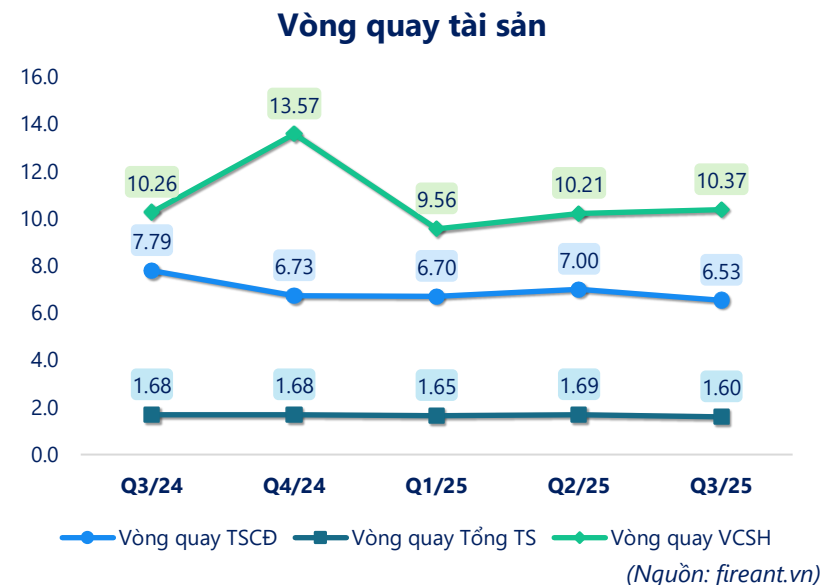
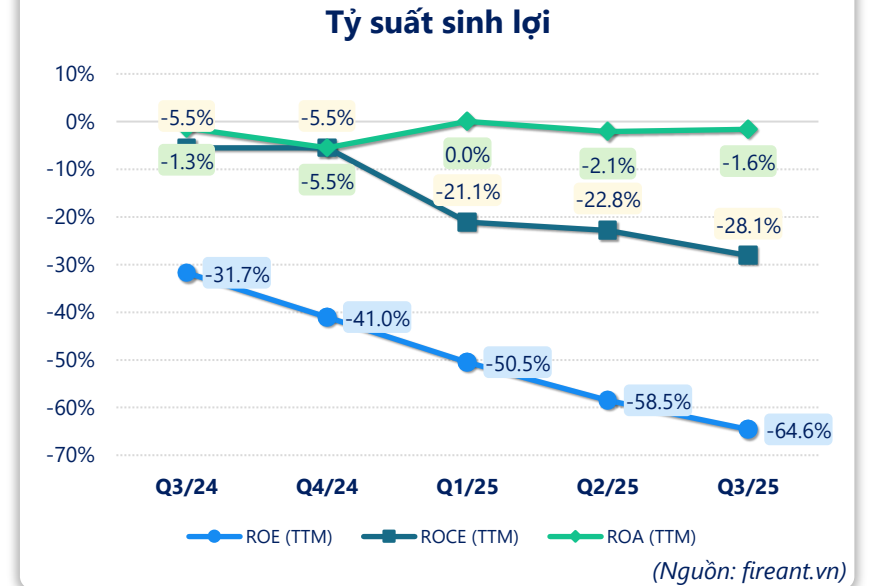
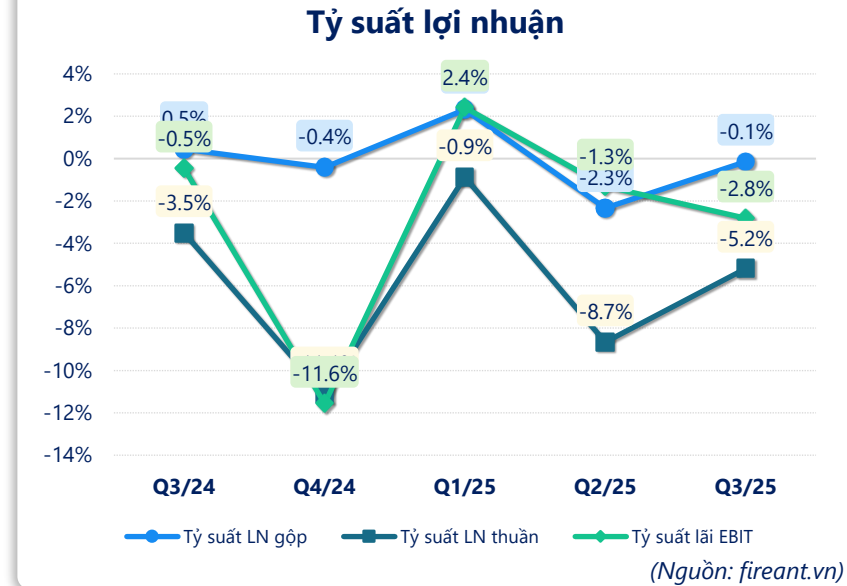
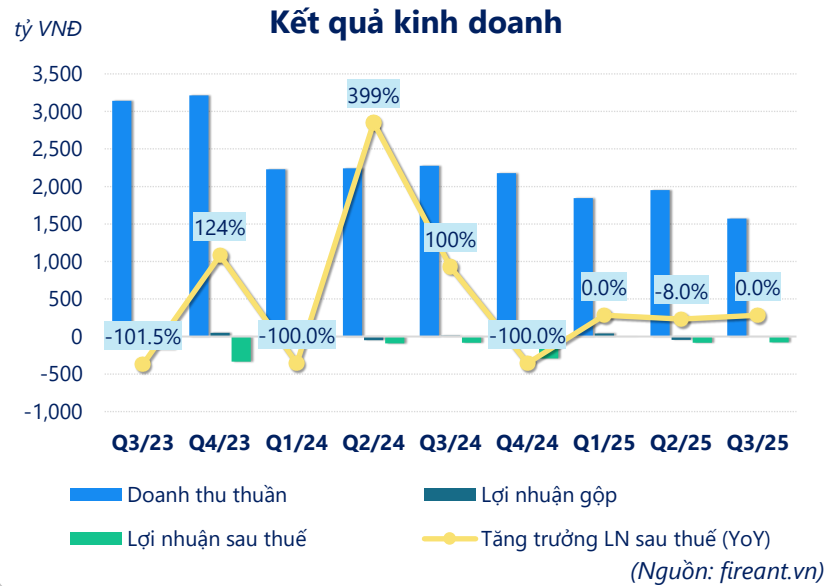


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,700
SL cổ phiếu LH		73,606,837
KLGD BQ 20 phiên (CP)		918,490
% sở hữu nước ngoài		20.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,060
P/E		-2.3
EPS		-6,385

	YTD	1T	3T	6T
SMC	71.0%	14.7%	34.6%	100.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,371	4,778	-8.5%
Tài sản ngắn hạn	2,478	3,087	-19.7%
Tiền và tương đương tiền	186	143	29.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	554	505	9.6%
Phải thu ngắn hạn	851	1,547	-45.0%
Hàng tồn kho	616	628	-1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	271	264	2.8%
Tài sản dài hạn	1,893	1,692	11.9%
Phải thu dài hạn	189	34.4	449%
Tài sản cố định	989	1,206	-18.0%
Bất động sản đầu tư	6.21	6.48	-4.2%
Tài sản dở dang	279	0.61	45690%
Đầu tư tài chính dài hạn	216	218	-0.8%
Tài sản dài hạn khác	213	226	-5.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,720	3,968	-6.3%
Nợ ngắn hạn	3,500	3,709	-5.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,116	2,173	-2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,283	1,421	-9.7%
Nợ dài hạn	220	259	-15.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	178	217	-18.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	651	810	-19.6%
Vốn chủ sở hữu	651	810	-19.6%
Vốn điều lệ	737	737	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,277	2,177	1,847	1,951	1,571
Giá vốn hàng bán	2,266	2,186	1,804	1,996	1,573
Lợi nhuận gộp	10.3	-9.06	42.7	-45.5	-2.20
Doanh thu HĐTC	10.3	7.89	5.70	9.65	5.87
Chi phí TC	47.8	65.8	20.1	53.9	37.0
Chi phí lãi vay	71.8	41.6	44.1	33.3	36.8
LN trong công ty LKLD	0	-82.1	-3.59	0.86	-1.90
Chi phí bán hàng	24.1	20.7	17.9	18.9	16.6
Chi phí QLDN	28.8	146	23.0	61.3	29.7
LN thuần từ HĐKD	-80.0	-242	-16.1	-169	-81.6
Lợi nhuận khác	-2.34	-51.2	16.6	110	0.39
LN trước thuế	-82.3	-293	0.50	-58.9	-81.2
Lợi nhuận sau thuế	-82.4	-294	0.13	-81.2	-77.8
LNST của CĐ cty mẹ	-78.6	-292	1.89	-104	-76.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,092	-880	215	-345	150
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	158	152	-25.6	254	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,377	714	-174	109	-24.3
Tiền đầu kỳ	285	159	143	159	177
Lưu chuyển tiền thuần	-126	-14.0	15.8	18.1	8.61
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	-0.03	0.32	-0.24	0.00
Tiền cuối kỳ	159	145	159	177	186

(Nguồn: fireant.vn)